

**TRANG THÔNG TIN VỀ NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI
VỀ MẶT HỌC THUẬT, LÝ LUẬN CỦA LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

- 1. Tên luận án:** Phân tích kinh tế của quản lý cầu nước sinh hoạt: nghiên cứu trên địa bàn Hà Nội
 - Mã số: 62850101
 - Chuyên ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường

- 2. Nghiên cứu sinh:** Hoàng Thị Huê

Người hướng dẫn: PGS. TS. Lê Thu Hoa

PGS. TS. Dương Hồng Sơn

Cơ sở đào tạo: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu

- 3. Giới thiệu về luận án:**

Với tốc độ đô thị hóa nhanh chóng như hiện nay, Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng đang gặp phải nhiều thách thức trong lĩnh vực cung cấp nước sinh hoạt đô thị. Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2016 thì ở các đô thị Việt Nam tỉ lệ dân được cấp nước sạch chỉ đạt 82%. Hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt ở nhiều đô thị trong đó có Hà Nội đang tồn tại nhiều bất cập, cụ thể là hiện tượng thất thoát còn diễn ra nhiều nơi, người dân sử dụng chưa có ý thức tiết kiệm nước, nhiều nơi còn hiện tượng đục phá đường ống trái phép,... làm cho nguồn nước ngày càng bị cạn kiệt, trong khi nhu cầu sử dụng nước sạch đô thị ngày càng gia tăng về số lượng và đòi hỏi cao về chất lượng. Việc đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nước sạch sinh hoạt định hướng đến năm 2030 bình quân đạt 150 – 200 l/người/ngày đêm, là một thách thức rất lớn đối với đô thị đặc biệt như Hà Nội. Một số giải pháp quản lý cầu nước sinh hoạt đô thị (quản lý cầu NSHĐT) đã bước đầu được áp dụng ở Hà Nội như tăng giá nước có lộ trình, và quản lý chống thất thoát nước. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào đánh giá hiệu quả chương trình quản lý trên, nên bài toán đặt ra là cần tiến hành đánh giá hiệu quả kinh tế trên cơ sở so sánh những lợi ích và chi phí, cả hiện tại và tương lai của các phương án thực hiện quản lý cầu NSHĐT.

Với mong muốn cung cấp những dẫn liệu khoa học cho cơ quan quản lý nhà nước tham khảo trong việc hoạch định các chính sách nhằm vừa bảo đảm quản lý, sử dụng nước bền vững, vừa có hiệu quả về kinh tế, nghiên cứu sinh lựa chọn luận án với

đề tài: “*Phân tích kinh tế của quản lý cầu nước sinh hoạt: nghiên cứu trên địa bàn Hà Nội*”..

Luận án tập trung các mục tiêu nghiên cứu là (1) luận giải và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý cầu NSHĐT và phân tích kinh tế quản lý cầu NSHĐT; (2) đề xuất mô hình và quy trình phân tích kinh tế để đánh giá hiệu quả quản lý cầu NSHĐT phù hợp với điều kiện Việt Nam; (3) đánh giá các điều kiện áp dụng quản lý cầu NSHĐT tại Hà Nội và phân tích hiệu quả kinh tế của các phương án quản lý cầu NSHĐT tại Hà Nội; (4) đề xuất một số giải pháp và chính sách quản lý cầu nước sinh hoạt phù hợp với đô thị Hà Nội trong giai đoạn hiện tại và dự báo đến năm 2025.

Nghiên cứu sinh đã sử dụng phương pháp điều tra xã hội học, phương pháp CVM, phương pháp hàm cầu nước sinh hoạt đô thị để xác định cầu nước sinh hoạt đô thị Hà Nội và ước tính mức sẵn lòng chi trả của người dân cho sử dụng nước sạch; nghiên cứu sinh cũng đã sử dụng phương pháp giá thị trường, phương pháp chuyển giao giá trị (BTM), phương pháp phân tích chi phí – lợi ích (CBA) để đánh giá hiệu quả của các phương án QLCa Hà Nội.

4. Liệt kê những đóng góp mới của luận án (lượng hóa thật cụ thể, rõ ràng, ngắn gọn, gạch đầu dòng cho từng đóng góp mới)

Về lý luận: Luận án đã xây dựng một khung nghiên cứu chi tiết nhằm làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn quản lý cầu NSHĐT; xây dựng mô hình và quy trình 6 bước phân tích kinh tế đối với quản lý cầu NSHĐT phù hợp điều kiện Việt Nam, góp phần lấp đầy khoảng trống trong nghiên cứu về quản lý nước sinh hoạt đô thị.

Về thực tiễn: Luận án phân tích, đánh giá khoa học và khách quan nhu cầu áp dụng quản lý cầu NSHĐT; ứng dụng mô hình và quy trình phân tích kinh tế quản lý cầu NSHĐT để đánh giá hiệu quả kinh tế quản lý cầu NSHĐT tại Hà Nội nhằm cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nước sinh hoạt của thành phố trong giai đoạn đến năm 2025

Những đóng góp cụ thể từ kết quả nghiên cứu:

1. Kết quả khảo sát, điều tra mức bình quân sử dụng nước của mỗi người khu vực nội thành Hà Nội là 3,8 m³/người/tháng và mức chi phí trung bình cho sử dụng nước sinh hoạt của mỗi hộ là 110.107,69 đồng/tháng; số hộ sử dụng nước bình quân từ 10 m³/tháng đến 20 m³/tháng chiếm tỷ lệ cao nhất là 46,15%; ước tính tỉ lệ lượng cầu NSHĐT cho mục đích thiết yếu và ngoài thiết yếu ở các hộ gia đình tại Hà Nội tương ứng là 94,76% và 5,24% so với tổng lượng cầu NSHĐT. Lượng cầu NSHĐT cho mục đích ngoài thiết yếu tương đương khoảng 0,78 m³/hộ/tháng.

2. Kết quả điều tra mức sẵn lòng chi trả trung bình của các hộ gia đình cho sử dụng nước sạch sinh hoạt tại đô thị Hà Nội là $WTPTB = 9.534,88$ đồng/ m^3 . Kết quả phân tích mô hình hồi quy đa biến với biến phụ thuộc là mức sẵn lòng chi trả WTP và các biến độc lập (gồm biến tuổi, giới tính, học vấn, thu nhập, và lượng nước sử dụng), cho thấy các biến độc lập trong mô hình đã giải thích được khoảng 62,34% sự biến động của mức WTP. Trong đó, các biến thu nhập và lượng nước sử dụng có mối tương quan chặt chẽ với biến WTP.

3. Kết quả ước tính lượng nước tiết kiệm được khi thực hiện quản lý cầu NSHĐT đến năm 2025 là 6,98 triệu m^3 (tương đương 17,1%) so với kết quả dự báo lượng cầu nước sinh hoạt tăng thêm là 40,92 triệu m^3 của phương án cơ sở (BAU).

4. Thực hiện quản lý cầu NSHĐT cũng góp phần tiết kiệm chi phí xây dựng và vận hành hệ thống cấp nước, xử lý nước thải, đồng thời đem lại nhiều lợi ích khác về môi trường và xã hội. Áp dụng tỷ lệ chiết khấu 0,08 trong phân tích chi phí – lợi ích quản lý cầu NSHĐT Hà Nội đến năm 2025 cho kết quả $NPV = 734.597,01$ (triệu VND, năm 2013), thể hiện hiệu quả rõ ràng và sự cần thiết áp dụng quản lý cầu NSHĐT.

Người hướng dẫn

PGS. TS. Lê Thu Hoa

PGS. TS. Dương Hồng Sơn

Nghiên cứu sinh

Hoàng Thị Huệ